

Bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng và những vấn đề đặt ra

Đặng Thị Hoa*, **Bùi Thị Hương Trâm****, **Trịnh Thị Chiên*****

Tóm tắt: Bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số luôn là vấn đề xã hội phức tạp ở cả dân tộc theo chế độ phụ hệ và mẫu hệ. Tuy nhiên, mức độ và hình thức bạo lực có sự khác biệt giữa các dân tộc. Chẳng hạn, ở các dân tộc như dân tộc Hmông, Dao, Hoa có tỷ lệ trải nghiệm bạo lực nói chung cao, trong khi đó, nhóm các dân tộc Ê đê, Khơ me lại có tỷ lệ bị bạo lực thể chất cao hơn so với các nhóm khác. So sánh giữa nhóm dân tộc theo chế độ phụ hệ và mẫu hệ thì phụ nữ ở nhóm các dân tộc phụ hệ bị bạo lực nhiều hơn do ảnh hưởng của khuôn mẫu văn hóa truyền thống của tộc người.

Từ khóa: Bạo lực gia đình; Dân tộc thiểu số; Phụ nữ; Bạo lực đối với phụ nữ.

Ngày nhận bài: 22/10/2019; ngày chỉnh sửa: 15/11/2019; ngày duyệt đăng: 2/12/2019.

1. Đặt vấn đề

Bạo lực gia đình là một trong những vấn đề xã hội xảy ra ở nhiều quốc gia và xuất hiện ở nhiều giai đoạn phát triển của xã hội. Trong những năm gần đây, xu hướng đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội đã có những tác động nhất định, dẫn tới những diễn biến phức tạp về bạo lực gia đình. Các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá từ cấp độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội đóng vai trò như những yếu tố thúc đẩy hoặc hạn chế bạo lực và chi

* PGS. TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** ThS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

*** Học viện Dân tộc.

phối mức độ, tính liên tục hoặc ngắt quãng, độ lặp lại nhiều ít của các hành vi bạo lực. Tác động của bạo lực gia đình không chỉ giới hạn ở cấp độ cá nhân mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của đất nước.

Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với số lượng 13,38 triệu người, chiếm 14,6% dân số cả nước; có 6 dân tộc trên 1 triệu người (Tày, Thái, Mường, Hmông, Nùng, Khơ me), 16 dân tộc dưới 10.000 người (trong đó có 5 dân tộc dưới 1000 người là Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo và Si La) (Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc, 2015). Về phân bố dân cư, nhóm các dân tộc cư trú ở vùng núi cao như Hmông, Dao, Lô Lô, Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, v.v. thường có tỷ lệ đói nghèo, mù chữ cao hơn so với nhóm các dân tộc cư trú ở vùng thung lũng và vùng thấp (Tày, Thái, Nùng, Mường, Chăm, Khơ me, v.v.).

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đa dạng về văn hóa, có 39 dân tộc có đặc trưng văn hóa theo chế độ phụ hệ, cư trú chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ; 8 dân tộc theo chế độ mẫu hệ, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Ngoài ra, một số các dân tộc theo chế độ song hệ, cư trú ở vùng Nam Trường Sơn và Bắc Tây Nguyên. Trong phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, mặc dù theo chế độ phụ hệ, mẫu hệ hay song hệ thì các đặc trưng văn hóa tộc người có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của đồng bào, đặc biệt là các quan hệ trong gia đình và tình trạng bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, hầu hết các dân tộc đều nằm trong diện nghèo đói ở nhiều chỉ tiêu phát triển như thu nhập, cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe và cơ hội phát triển. Phụ nữ dân tộc thiểu số thường bị bất bình đẳng kép, bên cạnh tình trạng đói nghèo, bị hạn chế khi tiếp cận các dịch vụ giáo dục và chăm sóc sức khỏe thì họ còn gánh chịu thêm nạn bạo lực gia đình. Do vậy, phụ nữ dân tộc thiểu số đang là một trong những nhóm đối tượng bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

2. Phương pháp và nguồn số liệu

Bài viết dựa trên dữ liệu khảo sát thực địa từ các đề tài cấp Nhà nước do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện: Đề tài Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội (KX01/21-16) từ năm 2014-2016, khảo sát tại các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Nghệ An, Đắk Lắk và An Giang; Đề tài Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường xã hội và kinh tế tới bạo lực gia đình hiện nay thực hiện từ năm 2016-2018 khảo sát tại các tỉnh Lào Cai, Ninh Bình, Thừa Thiên - Huế, Đắk Lắk và An Giang.

Riêng dữ liệu từ đề tài cấp Nhà nước về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2018 và 2019 có tổng số mẫu khảo sát là 2.894 hộ gia đình, đại diện cho 12 dân tộc (Tày, Nùng, Hmông, Dao, Khơ mú, Mường, Tà Ôi, Cơ Tu, Ê đê, Xơ Đăng, Chăm, Khơ me). Các tỉnh khảo sát là: Lạng Sơn, Hà Giang, Điện Biên,

Thanh Hóa, Thừa Thiên – Huế, Đắk Lắk, Ninh Thuận và Sóc Trăng. Phiếu điều tra được xây dựng dựa trên các nội dung cơ bản về bình đẳng giới, trong đó có một mục dành riêng cho khảo sát thực trạng bạo lực gia đình và nguyên nhân cũng như các yếu tố tác động đến bạo lực gia đình ở các tộc người thiểu số.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng các số liệu từ các cuộc điều tra quốc gia của Tổng cục Thống kê và các công trình nghiên cứu đã công bố để so sánh, phân tích về tình trạng bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số qua các tài liệu nghiên cứu và điều tra quốc gia

Theo đánh giá của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực trạng bạo lực gia đình nói chung và bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số nói riêng là khó có thể đánh giá được. Trước hết, chế độ báo cáo về thực trạng bạo lực gia đình chưa được thực hiện một cách nhất quán và đồng bộ. Mặc dù Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng các biểu mẫu báo cáo từ cấp xã đến trung ương rà soát định kỳ về tình hình bạo lực gia đình nhưng trên thực tế, báo cáo về các số liệu vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình tính chính xác chưa cao, số hộ xảy ra bạo lực gia đình nhiều hơn số vụ bạo lực gia đình (Trần Tuyết Ánh, 2016). Mặt khác, chế độ báo cáo ở các địa phương, các cấp là không kịp thời, phần lớn là thống kê các vụ bạo lực sau khi đã có sự can thiệp của các cấp chính quyền, còn các vụ bạo lực trong cộng đồng thì chưa được theo dõi chặt chẽ và báo cáo kịp thời. Bên cạnh đó, việc báo cáo, thống kê các loại hình bạo lực còn hạn chế trong cách thu thập thông tin và phân loại các loại hình bạo lực gia đình. Số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cập nhật hàng năm và có hệ thống theo dõi, đánh giá từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, rất tiếc không có số liệu tách riêng đối với dân tộc thiểu số. Ở một số tỉnh có nhiều dân tộc cư trú (tỷ lệ người dân tộc thiểu số lên đến trên 80% dân số) như Cao Bằng, Lai Châu, Hà Giang, Điện Biên, số lượng vụ bạo lực gia đình được thống kê không đáng kể. Chẳng hạn ở tỉnh Hà Giang, năm 2012 có 1.048 vụ bạo lực gia đình, đến năm 2017 chỉ có 312 vụ. Tỉnh Cao Bằng năm 2012 có 309 vụ, đến năm 2017 có 153 vụ. Tỉnh Sơn La năm 2011 có 1.034 vụ, năm 2017 chỉ có 216 vụ... (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2018). Những con số thống kê hành chính trên đây chắc chắn chưa phản ánh một cách khách quan và đầy đủ tình trạng bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số.

Trong Báo cáo đánh giá 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, không có số liệu thống kê về dân tộc thiểu số liên quan đến bạo lực gia đình. Tuy nhiên, số liệu thống kê

về bạo lực gia đình ở các tỉnh cũng rất khác biệt và khó đưa ra nhận định về thực trạng bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số.

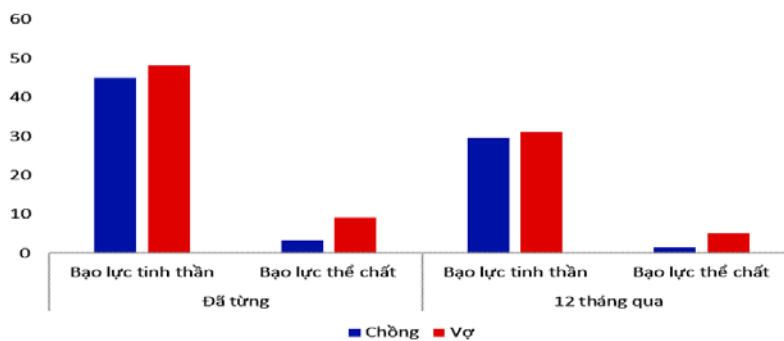
Trong các cuộc điều tra quốc gia về bạo lực gia đình, số liệu không được phân tách riêng cho vùng dân tộc thiểu số nên rất khó có thể đánh giá được thực trạng bạo lực đang diễn ra như thế nào ở vùng dân tộc thiểu số. Một vài thông tin ít ỏi từ báo cáo kết quả nghiên cứu quốc gia về tình trạng bạo lực đối với phụ nữ năm 2010. Trong mẫu nghiên cứu 4.561 phiếu khảo sát, tỷ lệ bạo lực thể xác và tình dục đối với phụ nữ dân tộc thiểu số do chồng gây ra ở dân tộc Mường là cao nhất (36%); tiếp theo là ở dân tộc Hoa (32%); Thái (27%), Nùng (21%), Tày (18%), Dao (15%) và Hmông (8%) (UNDP, 2010).

Tương tự, các nghiên cứu bạo lực đối với người cao tuổi cũng phần lớn được phân tích trên cơ sở không chia tách dân tộc thiểu số nên việc đánh giá thực trạng bạo lực đối với người cao tuổi ở vùng dân tộc thiểu số cũng gặp nhiều trở ngại. Theo số liệu khảo sát, có 36,7% người cao tuổi ở vùng dân tộc thiểu số bị bạo lực tinh thần ở mức độ thỉnh thoảng; 56,7% bị bạo lực tinh thần ở mức độ hiếm khi; 13,2% người cao tuổi ở vùng dân tộc thiểu số đang bị bỏ rơi, không được chăm sóc, 3,8% người cao tuổi bị đe dọa hay nhốt trong nhà. Tuy nhiên, trong phần phân tích định tính, có khá nhiều trường hợp ở tỉnh Đắk Lắk được nêu lên là người cao tuổi dân tộc thiểu số bị bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần (Nguyễn Thế Huệ, 2007: 31-36).

3.2. Bạo lực gia đình trong các cuộc khảo sát về dân tộc thiểu số

Qua kết quả khảo sát của một số đề tài nghiên cứu về hôn nhân gia đình, bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số gần đây cho thấy bạo lực gia đình đang diễn ra khá phức tạp.

Biểu 1. Tỷ lệ bị bạo lực ở người chồng và người vợ là người DTTS bởi tất cả các thành viên trong gia đình (%) (N=412)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường xã hội và kinh tế đến bạo lực gia đình hiện nay do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2016-2018.

Kết quả nghiên cứu từ đề tài “Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường và xã hội và kinh tế đến bạo lực gia đình hiện nay” cho thấy bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số khá tương đồng với tình hình chung của cả nước. Trong mẫu khảo sát tại tỉnh Lào Cai, Đắc Lắc, Ninh Bình và An Giang có các dân tộc Thái, Tày, Hmông, Dao, Ê đê, Khơ me và Mường. Theo đó, trong nhóm dân tộc thiểu số, tỷ lệ bạo lực tinh thần cao hơn tỷ lệ bạo lực thể chất.

Bảng 1. Đặc điểm dân tộc của nạn nhân bị bạo lực (%)

	Kinh	Nhóm dân tộc Tày, Thái, Nùng, Mường	Nhóm các dân tộc Hmông, Dao, Hoa	Nhóm các dân tộc Ê đê, Khơ me	Khác	Chung	
Nhóm bạo lực chồng đối với vợ	23,8	25,6	25,6	29,7	20,5	24,5	
Chồng từng có trải nghiệm bạo lực***	22,4	22,4	35,5	17,8	13,6	22,8	
Vợ từng có trải nghiệm bạo lực***	35,7	21,6	16,9	39,8	34,1	33,4	
Nam bị bạo lực tinh thần và bạo lực kinh tế*	25,9	25,6	29,6	37,3	20,5	26,9	
Nam bị bạo lực thể chất	0,3	0,8	2,4	1,7	0	0,6	
Nữ bị bạo lực tinh thần và bạo lực kinh tế**	29,0	27,2	29,6	37,3	29,5	29,5	
Nữ bị bạo lực thể chất**	3,3	4,0	3,2	8,5	4,5	3,7	
Tổng cộng	N	1191	125	125	118	44	1603
	%	100	100	100	100	100	100

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1; **p<0,01, *** p<0,001

Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường xã hội và kinh tế đến bạo lực gia đình hiện nay do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2016-2018.

Kết quả ở Biểu 1 cho thấy cả người chồng và người vợ đều phải chịu các hành vi bạo lực gia đình, trong đó, các hành vi đối với vợ nghiêm trọng hơn khi hầu hết các ca bạo lực về thể chất thì nạn nhân là người vợ. Người gây ra bạo lực bao gồm cả người chồng, người vợ và các thành viên khác như bố/mẹ chồng; bố/mẹ vợ và anh chị em nhà chồng. Trong đó, phần lớn người gây ra hành vi bạo lực là người chồng và người vợ.

Trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, tình trạng bạo lực gia đình có sự khác biệt giữa các nhóm tộc người. Kết quả cho thấy 26,2% phụ nữ dân tộc thiểu số bị chồng bạo lực trong 12 tháng qua. Nhóm các dân tộc Hmông, Dao, Hoa có tỷ lệ trải nghiệm bạo lực cao, trong khi đó, nhóm các dân tộc Ê đê, Khơ me lại có tỷ lệ bị bạo lực thể chất cao hơn so với các nhóm khác.

Nguyên nhân của bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình là những mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày. Trong khi người phụ nữ phải đảm nhiệm quá nhiều công việc trong quỹ thời gian ít ỏi của mình và không hề được nghỉ ngơi thì người chồng ít quan tâm, thậm chí còn kiểm chuyện cãi nhau.

Bảng 2. Mức độ cãi nhau giữa vợ và chồng chia theo dân tộc

Dân tộc	Từ chối trả lời	Mức độ cãi nhau giữa hai vợ chồng***				N
		Vài lần/tuần	Vài lần/tháng	Vài lần/năm	Không bao giờ	
Kinh	1,3	2,7	14,8	26,8	38,3	149
Tày	1,5	5,9	20,4	33,6	26,9	324
Nùng	2,6	5,9	23,7	33,6	18,1	304
Thái	2,4	0,6	14,5	41,0	35,5	166
Hmông	2,4	2,7	14,6	36,6	37,8	328
Xơ đăng	0	9,2	22,4	36,7	24,5	98
Gia Rai	1,0	5,9	29,7	49,5	9,9	101

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát thực địa của Đề tài cấp nhà nước KX02/21 do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2014 – 2016.

Bạo lực giới vẫn còn là đặc điểm đặc trưng của những cộng đồng nhiều dân tộc thiểu số, đặc biệt là nhóm các dân tộc theo chế độ phụ hệ như: Hmông, Lô Lô, Hà Nhì, Pu Páo... Bất bình đẳng giới trong phân công lao động gia đình cũng là một yếu tố dẫn tới bạo lực khi người phụ nữ và trẻ em gái phải gánh trên mình quá nhiều công việc, từ lao động sản xuất đến các hoạt động chăm sóc gia đình.

Bảng 3. Lý do bị bạo lực đối với phụ nữ do chồng và bạn tình gây ra

Lý do	Kinh	Dân tộc thiểu số
Đi chơi mà không nói với chồng	9,1	15,0
Bỏ bê con cái	19,5	28,7
Cãi lại chồng	13,8	21,2
Từ chối quan hệ tình dục với chồng	3,2	6,3
Nếu không làm việc nhà	5,7	11,7
Nếu bị phát hiện không chung thủy	43,9	49,8
Bất kỳ lý do nào trong 8 lý do	48,5	58,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo MICS Việt Nam, 2014.

Các lý do dẫn tới bạo lực đối với phụ nữ dân tộc thiểu số là những công việc hàng ngày của họ như làm việc nhà, chăm sóc con cái hay chính là nghĩa vụ phải đáp ứng tình dục của chồng bất kỳ lúc nào mà chồng muốn.

Bảng 4. Hành vi bạo lực gia đình đã từng xảy ra đối với người trả lời chia theo dân tộc

Dân tộc	Hành vi bạo lực đối với người trả lời						
	Si nhục, lăng mạ***	Tát, đánh, đấm, bóp cổ***	Dùng vũ lực cưỡng ép QHTD* *	Sử dụng hay lấy 1 phần thu nhập	Ngăn cản gặp gỡ bạn bè**	Bắt chi tiêu theo quyết định của mình** *	Bạo lực gia đình là nguyên nhân khiến phải đi làm ăn xa***
Kinh (n=149)	32,9	18,8	4,0	10,1	7,4	7,4	-
Tày (n=324)	32,6	8,6	2,2	8,0	7,4	4,0	24,3
Nùng (n=304)	39,5	5,3	0,7	1,6	3,3	1,3	25,7
Thái (n=166)	34,9	9,6	5,4	5,4	13,3	6,0	31,3
Hmông (n=328)	35,7	5,8	1,5	4,3	10,4	4,6	18,7
Dao (n=25)	36,0	20,0	8,0	28,0	24,0	20,0	-
Xơ Đăng (n - 98)	37,8	17,3	7,1	8,2	13,3	9,2	8,2
Gia Rai (n=101)	50,5	15,8	1,0	11,9	10,9	5,9	14,9
Lô Lô (n=22)	31,8	4,5	0	9,1	13,6	13,6	27,3
Chung (n=1536)	36,7	9,6	2,5	6,4	8,7	5,0	22,5

Mức ý nghĩa thống kê: * p<0,1; **p<0,01, *** p<0,001

Nguồn: Kết quả khảo sát thực địa của Đề tài cấp nhà nước KX02/21 do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2014 – 2016.

Cuộc khảo sát về kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2014 cho thấy, tỷ lệ bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục ở các nhóm DTTS (trong 12 tháng qua) ở mức khoảng 35% (đối với dân tộc Mường) và 8% đối với dân tộc Hmông. Khoảng 22,3% phụ nữ DTTS cho biết trong đời đã từng chịu đựng quan hệ tình dục không mong muốn với bạn tình, so với tỷ lệ chung cả nước là 13,3%. Phụ nữ DTTS thường chịu đựng nhiều hơn khi bị bạo lực, chẳng hạn có 22,3% phụ nữ DTTS cho biết trong đời đã từng chịu đựng quan hệ tình dục không mong muốn với bạn tình, trong khi tỉ lệ cả nước hiện nay là 13,3%. Tỷ lệ bạo lực tinh thần đối với phụ nữ DTTS do người chồng gây ra là 48,8%, trong khi tỉ lệ chung hiện nay là 28,9%. Nhiều phụ nữ DTTS có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra hơn là phụ nữ người Kinh. 58,6% phụ nữ DTTS thuộc độ tuổi từ 15 đến 49 cho rằng việc người chồng đánh đập người vợ vì các lý do khác nhau là chấp nhận được, trong khi tỷ lệ này ở phụ nữ Kinh là 48,5% (UBDT và UN Women, 2015).

Có thể thấy, bạo lực gia đình đối với các dân tộc thiểu số là khá nghiêm trọng. Có nhiều hành vi được coi là chấp nhận được trong phong tục tập quán như kiểm soát không cho đi gặp bạn bè, kiểm soát chi tiêu hay bắt phải quan hệ tình dục theo ý muốn. Các hành vi bạo lực trong gia đình ở các dân tộc thiểu số diễn ra khá phức tạp. Ở một số dân tộc có các hành vi bạo lực thể chất khá nghiêm trọng như Xơ Đăng, Gia Rai, Thái...

Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ trong cộng đồng các dân tộc thường có xu hướng bạo lực kép. Người phụ nữ phải gánh chịu đồng thời nhiều hình thức bạo lực và thường chấp nhận, cam chịu các hành vi bạo lực do chồng gây ra.

Từ kết quả khảo sát của đề tài cấp Nhà nước KX02/21 năm 2014-2016 cho thấy, số hành vi bạo lực thấp nhất là 1, nhiều nhất là 6. Cụ thể: 17,2% phụ nữ chịu 01 hành vi bạo lực; 4,6% chịu 02 hành vi; 2,9% chịu 03 hành vi. Số phụ nữ chịu 04 hành vi bạo lực trở lên rất ít (dưới 1,1%) nhưng đã cho thấy mức độ chồng chất bạo lực trong 12 tháng mà người phụ nữ dân tộc thiểu số phải hứng chịu từ chồng.

Đề tài Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện đã tiến hành khảo sát 4 tỉnh (Đắk Lắk, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Thừa Thiên Huế) gồm các dân tộc Tày, Nùng, Cơ Tu, Tà Ôi, Xơ Đăng, Khơ me, Chăm, Ê đê và một số ít dân tộc khác ứng với 1.176 phiếu hỏi. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số bị bạo lực cao hơn nhiều so với nam giới, đặc biệt là ở các hành vi bạo lực thể chất.

Kết quả khảo sát cho thấy người gây ra các hành vi bạo lực gia đình chủ yếu là người chồng, trong đó các hành vi nghiêm trọng như tát, đánh, đấm, xô đẩy. Các hành vi do người vợ gây ra chủ yếu là kiểm soát xã hội (ngăn cản gặp gỡ bạn bè, ngăn cản liên hệ với gia đình).

Bảng 5. Bạo lực 12 tháng qua ở vùng dân tộc thiểu số (N=1.176)

Hành vi bạo lực	Số lượng	Tỷ lệ %	Nạn nhân của bạo lực (%)	
			Nữ	Nam
Si nhục/lãng mạ	144	12,2	14,6	9,4
Đe dọa/dọa nạt	217	18,5	22,0	14,2
Tát, đánh, đấm, xô đẩy	66	5,6	9,0	1,5
Ép quan hệ tình dục	7	0,6	0,9	0,2
Kiểm soát tài chính	13	1,1	1,4	0,8
Ngăn cản gặp gỡ bạn bè	36	3,1	2,5	3,8
Ngăn cản liên hệ với gia đình	10	0,9	0,8	0,9
Từ chối sử dụng biện pháp tránh thai	5	0,4	0,6	0,2

Nguồn: Kết quả khảo sát Đề tài cấp Nhà nước Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2018-2019.

Bạo lực đối với trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số cũng rất cần quan tâm. Điều tra MICS 2014 cho thấy xu hướng trẻ em DTTS bị bạo lực nhiều hơn so với người Kinh. Chẳng hạn, trong khi có 62% trẻ em DTTS chịu hình thức bạo lực tinh thần thì tỷ lệ này ở trẻ em dân tộc Kinh và Hoa là 57,4%. Mặc dù tỷ lệ xử phạt thể xác chỉ chênh nhau một điểm phần trăm giữa trẻ em DTTS (43,5%) và trẻ em dân tộc Kinh và Hoa (42,6%), tuy nhiên, có điểm đáng lưu ý là trừng phạt thể xác nặng cũng xảy ra phổ biến hơn đối với trẻ em DTTS (4,3%) so với trẻ em dân tộc Kinh và Hoa (1,7%) (TCTK và UNICEF, 2015).

Có thể thấy, bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số diễn ra khá phức tạp và có tính chất nghiêm trọng. Trong khuôn mẫu văn hóa tộc người, nhiều hành vi bạo lực gia đình được chấp nhận và tuân thủ như là các tập quán văn hóa truyền thống. Những chuẩn mực văn hóa khiến cho người phụ nữ DTTS phải gồng mình chịu đựng gánh nặng công việc gia đình kể cả trong sản xuất và làm việc nhà. Do đó, người phụ nữ DTTS dường như không có thời gian để nghỉ ngơi, chăm sóc cho bản thân và giao tiếp hòa nhập xã hội. Trong khi đó, phụ nữ DTTS lại còn phải gánh chịu thêm rất nhiều hình thức bạo lực do chồng gây ra, đặc biệt là các hành vi bạo lực thể chất.

4. Một vài nhận xét

Bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số đang là điểm khuyết trong nghiên cứu về bạo lực gia đình. Cho đến nay, chưa có một cuộc điều tra, nghiên cứu đầy đủ nào về tình trạng bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số. Trên thực tế, bạo lực gia đình ở vùng dân tộc thiểu số đang diễn ra khá phức tạp và mang tính đặc thù ở một số tộc người thiểu số. Có sự khác biệt

đáng kể về tình trạng bạo lực gia đình giữa các tộc người thiểu số. Ở nhóm các dân tộc theo chế độ phụ hệ có tình trạng bạo lực tinh thần và áp lực đối với phụ nữ cao; với các dân tộc theo chế độ mẫu hệ thì bạo lực thể chất cao và có tính phức tạp hơn.

Bạo lực gia đình diễn ra đối với cả phụ nữ và nam giới, cả trẻ em và người cao tuổi. Nạn nhân bị bạo lực kép và nặng nề hơn cả là phụ nữ và trẻ em gái. Tuy nhiên những hiểu biết về bạo lực gia đình ở từng tộc người hay nhóm tộc người đang rất hạn chế. Những chuẩn mực văn hóa, khuôn mẫu xã hội cùng với bạo lực gia đình đang là rào cản đối với phụ nữ, trẻ em trong cơ hội phát triển. Đây cũng là một trong những nguyên do khiến phụ nữ dân tộc thiểu số đang bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển của đất nước. Cần có những chính sách phù hợp và sớm được thực thi để hỗ trợ cho người dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em đang là nạn nhân của bạo lực gia đình sớm được ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2018. *Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình giai đoạn 2008 – 2017*. Hà Nội.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2018. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 10 năm thi hành Luật phòng, chống bạo lực gia đình, thực trạng và giải pháp*. Hà Nội.
- Nguyễn Thế Huệ. 2007. *Người cao tuổi và bạo lực gia đình*. Nxb. Tư pháp. Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (TCTK) và UNICEF. 2015. *Báo cáo điều tra MICS, 2014*.
- Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc. 2015. *Điều tra Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*.
- Trần Tuyết Ánh. 2016. “Bạo lực gia đình và một số giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam”. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội hướng tới chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ*, UNESCO và VASS. Hà Nội.
- UNDP. 2010. *Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam - Chịu nhện là chết đầy*.
- Ủy ban Dân tộc và UN Women. 2015. *Tóm tắt tình hình trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hà Nội.
- Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2017. *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực gia đình giai đoạn 2008 - 2015*.